TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2026
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quang Vinh.

Bà Lê Thị Kim Ngàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở chính Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh (Số 6 đường Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cước công dân số: 07907600**** do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021.

Bị đơn: Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 362/90 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cước công dân số: 051179005496 do do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10 tháng 7 năm 2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân B trình bày:

Ông Nguyễn Xuân B và bà Lê Thị Minh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Uỷ ban nhân dân phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 089 – Quyển số: 01/2007, ngày cấp 17 tháng 4 năm 2007.

Trong quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, sự mâu thuẫn càng nhiều hơn khi ông trong giai đoạn việc làm không ổn định, khi đó bà T xem thường ông, trách móc ông kiếm tiền không đủ nuôi con. Bà T không chấp nhận những ý kiến của ông, khi đó ông không có quyền của một người chồng, người cha và người chủ gia đình nữa. Ông nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, suốt ngày gây gổ, không thuận ý nhau để nuôi dạy con cái, nên ông đã bỏ ra ngoài sống và hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay.

Về tín ngưỡng, ông tin Chúa theo sách kinh thánh là cuốn sách đã được nhà nước công nhận và cho phép lưu hành, ông không theo một tổ chức giáo hội, giáo phái nào. Bà T đã vu khống ông khi bà cho rằng ông theo giáo phái tà giáo "Đạo Chúa Trời Mẹ" mà trên mạng xã hội hay nói đến. Bà T không nghe ông đọc và xem xét kỹ trước khi nhận định.

Trước đây, nguyên đơn đã từng nộp đơn 02 lần đến Tòa án nhân dân Quận 3 cũ nhưng chưa được giải quyết.

Nay nguyên đơn nhận thấy vợ chồng không thể quay lại chung sống nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về nuôi con và cấp dưỡng cho con: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung H (nam), sinh ngày 16 tháng 9 năm 2008 và cháu Nguyễn Tuấn K (nam), sinh ngày 29 tháng 6 năm 2014. Nguyên đơn yêu cầu giao 02 con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Minh T trình bày:

Bà Lê Thị Minh T và ông Nguyễn Xuân B tự nguyện chung sống và đã có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân, phường 16, quận Gò Vấp (nay là Uỷ ban nhân dân phường An Hội Đông) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 089 – Quyển số: 01/2007, ngày cấp 17 tháng 4 năm 2007.

Trong quá trình chung sống chung bà T và ông B có 02 con chung: cháu Nguyễn Trung H (nam) sinh ngày 16 tháng 9 năm 2008 và cháu Nguyễn Tuấn K (nam) sinh ngày 29 tháng 6 năm 2014. Đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B thì bà T không đồng ý. Vì theo đạo đức Chúa Trời đã bị người ta dụ dỗ làm những việc trái với luân thường đạo lý, bỏ cha mẹ, gia đình con cái. Gần đây nhất bố mất cũng không về, con cái không lo, không quan tâm anh em cha mẹ, gia đình và con cái. Hiện tại bà T và ông B không sống chung, ông B hiện tại đang lái taxi xanh, gần 02 năm nay ông B phụ cấp mỗi bé 500.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm trăm ngàn đồng).

Hiện 02 con chung đang sống cùng với bà tại địa chỉ phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Hằng ngày bà đưa đón con đi học ăn uống. Từ tháng 12 năm 2025 đến nay ông B có phụ cấp mỗi bé 1.000.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Một triệu đồng), toàn bộ chi phí còn lại cho các con bà tự xoay sở. Bà làm công việc tự do, không có hợp đồng lao động nên thu nhập không ổn định và bà được gia đình em gái hỗ trợ hàng tháng. Trường hợp ông B không muốn quay về nhà ở chung với bà thì bà vẫn đảm bảo chăm sóc được các con như trước giờ bà vẫn làm.

Bà T không muốn ly hôn với ông B vì ông Nguyễn Xuân B rất hiền và thật, chỉ vì ông B bị một số thành phần dụ dỗ để theo đạo Đức Chúa Trời Mẹ và về dụ dỗ cha mẹ anh chị em vợ con đi theo, nhưng gia đình đấu tranh quyết liệt không ai theo ông B, nên ông B bỏ đi và nói nếu vợ và con không theo thì anh ly hôn. Ông B nói, đạo đó là như vậy đó và tận thế sắp tới rồi không cần phải cho con học.

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

Tại bản khai nguyện vọng ngày 24 tháng 6 năm 2026, trẻ Nguyễn Trung H và trẻ Nguyễn Tuấn K trình bày:

Trẻ Nguyễn Trung H và trẻ Nguyễn Tuấn K mong muốn được ở với mẹ là bà Lê Thị Minh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Nguyên đơn không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây, yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Theo nguyên đơn, nguyên nhân chính dẫn đến việc xin ly hôn do nguyên đơn là người chồng nhưng không

còn quyền trong gia đình, mâu thuẫn càng tăng cao khi nguyên đơn thất nghiệp không có việc làm, bà T coi thường nguyên đơn và bà tự quyết định hết mọi việc trong gia đình.

Liên quan đến tôn giáo, nguyên đơn trình bày đạo của nguyên đơn theo là "Hội Thánh Chúa", nhưng tên gọi thay đổi theo địa danh, ví dụ như ở Sài Gòn thì gọi là "Hội Thánh Sài Gòn", sinh hoạt theo nhóm dưới 10 người. Trường hợp bị đơn và gia đình đồng ý theo đạo thì nguyên đơn đồng ý quay trở về hàn gắn tình cảm.

Về con và cấp dưỡng cho con: Nguyên đơn yêu cầu giao 02 con chung là cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Tuấn K cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

2. Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung. Theo bị đơn, nguyên nhân dẫn đến việc nguyên đơn bỏ đi khỏi nhà và mâu thuẫn là do nguyên đơn theo đạo Đức Chúa Trời Mẹ và muốn gia đình, vợ con theo đạo, nhưng trong gia đình không ai đồng ý theo đạo đó. Bị đơn xác định vẫn còn tình cảm với ông B vì ông B là người rất tốt và hiền lành, ông B làm được rất nhiều việc và phụ giúp mọi chuyện trong nhà, nên bị đơn mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông B.

Về con và cấp dưỡng cho con: Trường hợp buộc phải ly hôn, thì bị đơn cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Tuấn K. Do hiện nay chi phí nuôi hai con khá nhiều, khoảng 15.000.000 đồng/tháng cho hai con, nên bị đơn đề nghị nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 5.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết nội dung vụ án, sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B khởi kiện tranh chấp về ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Lê Thị Minh T cư trú tại địa chỉ: phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số: 089 – Quyển số: 01/2007 do Uỷ ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Uỷ ban nhân dân phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 17 tháng 4 năm 2007 thể hiện nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B và bị đơn bà Lê Thị Minh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn là người chồng nhưng không còn quyền trong gia đình, mâu thuẫn càng tăng cao khi nguyên đơn thất nghiệp không có việc làm, bị đơn coi thường nguyên đơn và bị đơn tự quyết định hết mọi việc trong gia đình, nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn do vẫn còn tình cảm với nguyên đơn. Bị đơn trình bày trong quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn theo đạo Đức Chúa Trời Mẹ và lôi kéo gia đình, vợ con theo đạo, nếu không theo đạo thì nguyên đơn sẽ ly hôn với bị đơn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

[4] Công văn số: 1125/UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Qua xác minh thì không rõ thông tin phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp giữa ông Nguyễn Xuân B và bà Lê Thị Minh T.

[5] Thông báo số: 007942/TB ngày 25 tháng 12 năm 2023 về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú của Công an phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xác định nơi tạm trú mới của ông Nguyễn Xuân B là tại địa chỉ: Số Khu phố P, phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Nay là phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh); Các phiếu thanh toán tiền phòng do nguyên đơn giao nộp, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn thực tế không còn chung sống với nhau cùng một nhà từ ngày 25 tháng 12 năm 2023. Mặc dù vậy, nguyên đơn vẫn có trách nhiệm cùng với bị đơn trong việc bảo đảm đời sống cho các con thông qua việc gửi tiền nuôi con cho bị đơn, cụ thể, theo bị đơn trình bày thì gần 02 năm qua nguyên đơn phụ cấp mỗi con

500.000 đồng/tháng, từ tháng 12 năm 2025 đến nay nguyên đơn phụ cấp mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Điều này thể hiện nguyên đơn vẫn cùng chia sẻ với bị đơn thực hiện các công việc trong gia đình, đồng thời cũng là thực hiện nghĩa vụ và quyền của cha mẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 19, Điều 69 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 98/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cũ và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cũ, có cơ sở xác định nguyên đơn đã hai lần nộp đơn yêu cầu ly hôn như nguyên đơn trình bày là đúng sự thật, lần thứ nhất đình chỉ là do nguyên đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, đến lần đình chỉ thứ hai là do nguyên đơn rút đơn. Lần nộp đơn này là lần thứ ba, tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chưa giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc bị đơn vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về phía bị đơn, bị đơn mong muốn hàn gắn với nguyên đơn và đều có mặt theo đúng thời gian Tòa án triệu tập lấy lời khai cũng như tại các buổi hòa giải, điều này thể hiện bị đơn vẫn còn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, trong khi nguyên đơn tự ý bỏ về không ký biên bản hòa giải vào ngày 05 tháng 11 năm 2025 và cũng không tham gia buổi hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2026, do đó, bản thân nguyên đơn không muốn cho bị đơn cơ hội hàn gắn tình cảm xuất phát từ ý chí riêng của nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày trường hợp bị đơn và gia đình đồng ý theo đạo thì nguyên đơn sẽ quay trở về hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[1] Xét tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn chưa đến mức trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chưa đáp ứng được các điều kiện cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

[2] Về nuôi con: Căn cứ Giấy khai sinh số: 222, quyển số: 01/2008 do Uỷ ban nhân dân Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 cho trẻ Nguyễn Trung H, giới tính: Nam, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2008 và Giấy khai sinh số: 149, quyển số: 01/2014 do Uỷ ban nhân dân Phường

4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 7 năm 2014 cho trẻ Nguyễn Tuấn K, giới tính: Nam, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2014, có cơ sở xác định trong thời kì hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là trẻ Nguyễn Trung H và trẻ Nguyễn Tuấn K. Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn không được chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu về nuôi con của nguyên đơn.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[5] Về án phí: Bị đơn không phải chịu án phí. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 56 và 69 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B về việc:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân B về việc ly hôn với bà Lê Thị Minh T.

Về nuôi con: Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân B nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu ký hiệu: BLTU/25E, số 0007887 ngày 06 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ

TAND KHU VỰC 1
GJM080726.TL.QDBA
22262